

# CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG DU LỊCH – ĐẠI HỌC HUẾ

PHAN LÊ HIỀN MY\*  
GIANG THỊ THU THỦY, NGUYỄN THỊ MINH NGHĨA  
Trường Du lịch - Đại học Huế  
\*Email: Mychipi11@gmail.com

**Tóm tắt:** Theo quan niệm hiện đại, định hướng nghề nghiệp là xác định mục tiêu nghề nghiệp của một người, phản ánh quan niệm của cá nhân về các giá trị, sở thích, kinh nghiệm, kỹ năng và khả năng tự nhận thức của bản thân họ. Định hướng nghề nghiệp phản ánh quan điểm cho rằng các giá trị nội tại và định hướng bản thân là động lực dẫn đến các quyết định nghề nghiệp trong thời đại nghề nghiệp ổn định và không có ranh giới. Nghiên cứu này tiến hành khảo sát 115 sinh viên tại Trường Du lịch – Đại học Huế nhằm đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đối với định hướng nghề nghiệp của sinh viên. Kết quả nghiên cứu xác định 5 yếu tố ảnh hưởng đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên TDL – ĐHH bao gồm (1) Tư vấn của cố vấn học tập, (2) Ủng hộ của gia đình, (3) Hỗ trợ của cố vấn học tập, (4) Thái độ của bản thân và (5) Định hướng của cha mẹ, các yếu tố này giải thích được 22,4% sự ảnh hưởng đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên Trường Du lịch – Đại học Huế còn lại là các yếu tố khác. Kết quả nghiên cứu là nguồn thông tin hữu ích giúp nâng cao định hướng nghề nghiệp của sinh viên TDL – ĐHH trong thời gian tới từ góc độ tác động của cha mẹ và cố vấn học tập.

**Từ khóa:** Cha mẹ; Cố vấn học tập; Định hướng nghề nghiệp; Phân tích hồi quy; Sinh viên du lịch.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghề nghiệp là một yếu tố quan trọng trong đời sống xã hội. Đối với mỗi cá nhân nghề nghiệp phản ánh vai trò, địa vị, uy tín của cá nhân đó trong cộng đồng. Đối với mỗi cộng đồng xã hội, cơ cấu và sự biến đổi cơ cấu phản ứng mức độ phát triển của cộng đồng đó trong mỗi giai đoạn lịch sử (Phạm Huy Cường, 2009). Khái niệm “nghề nghiệp” từ lâu đã được nghiên cứu trong khoa học xã hội. Nghề nghiệp là một thuật ngữ khó định nghĩa nhưng được sử dụng thường xuyên, trong lý thuyết cũng như trong diễn ngôn thông thường (Bravo và cộng sự, 2017). Theo Arthur và Rousseau (1996) khái niệm nghề nghiệp có thể hiểu theo “*Ý nghĩa cũ: là một quá trình thăng tiến nghề nghiệp; cách hiểu này giới hạn đối với các nhóm nghề nghiệp có sự tiến triển theo thứ bậc chính thức, chẳng hạn như các nhà quản lý và chuyên gia. Ý nghĩa mới: là trình tự mở ra kinh nghiệm làm việc của bất kỳ người nào theo thời gian*”. Một sự đồng thuận dường như đã xuất hiện rằng mô tả nghề nghiệp được thiết lập bắt nguồn từ Arthur và cộng sự (1989: 8) định nghĩa nghề nghiệp là: “*trình tự mở ra của kinh nghiệm làm việc của bất kỳ người nào theo thời gian*” (được trích dẫn theo Arnold và Cohen, 2008; Arthur và cộng sự, 2005; Dries, Pepermans và Carlier, 2008).

Theo Schein (1978, 1990) định hướng nghề nghiệp là sự hợp thành của tự nhận thức về thái độ, tài năng và giá trị tạo thành cốt lõi của khái niệm nghề nghiệp của một người. Nó hướng dẫn và ảnh hưởng đến việc lựa chọn nghề nghiệp và bối cảnh công việc cụ thể của mỗi cá nhân. Theo

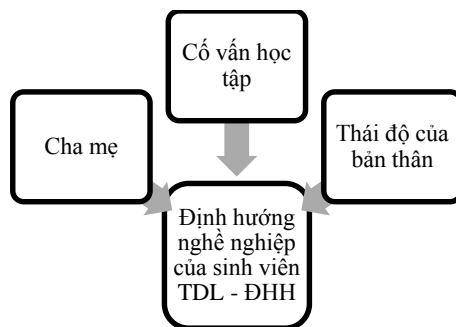
Bravo và cộng sự (2017) định nghĩa định hướng nghề nghiệp là các đặc điểm của công việc xác định mục tiêu nghề nghiệp của một người phản ánh quan niệm về bản thân của cá nhân về các giá trị, sở thích, kinh nghiệm, kỹ năng và khả năng tự nhận thức của họ. Định hướng nghề nghiệp phản ánh quan điểm cho rằng các giá trị nội tại và định hướng bản thân là động lực dẫn đến các quyết định nghề nghiệp trong thời đại nghề nghiệp ổn định và không có ranh giới. Điều này phù hợp với các học giả khác nghiên cứu về hành vi nghề nghiệp, những người đã nhận ra tầm quan trọng của khả năng, nhu cầu và giá trị của cá nhân đối với các vấn đề như lựa chọn nghề nghiệp (Holland, 1959), điều chỉnh công việc (Dawis & Lofquist, 1984) và phát triển nghề nghiệp (Super, 1980). Ở góc độ cá nhân, định hướng nghề nghiệp được hiểu là khuyến khích lựa chọn của cá nhân về nghề nghiệp trong xã hội, được hình thành dựa trên sự hiểu biết của cá nhân về nghề nghiệp, năng lực bản thân, đặc điểm cá nhân và mục tiêu đối với nghề nghiệp. Định hướng nghề nghiệp là sự lựa chọn chủ quan của cá nhân đối với các nghề nghiệp trong xã hội dựa trên hệ thống các giá trị, tính cách, năng lực, nguyện vọng, sở thích, hứng thú của cá nhân về nghề nghiệp nào đó, vừa là quá trình cá nhân ra quyết định dựa trên sự hiểu biết về nhu cầu nghề nghiệp, về hệ thống phân công lao động trong xã hội hiện hành dưới sự tác động của hệ thống các biện pháp tâm lý, giáo dục phù hợp (Trần Thị Dương Liễu, 2014).

Định hướng nghề nghiệp giữ vai trò quan trọng trong việc quyết định sự thành công và hướng phát triển của mỗi cá nhân. Định hướng nghề nghiệp không chỉ có ý nghĩa đối với bản thân mỗi cá nhân, mà còn có ý nghĩa rất lớn đối với chất lượng nguồn nhân lực. Mỗi cá nhân sẽ phát huy tối đa năng lực, hứng thú của bản thân đối với công việc để đạt được hiệu quả cao nhất khi họ có định hướng nghề nghiệp đúng đắn. Sinh viên sau khi hoàn thành chương trình đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học đều mong muốn có một cơ hội nghề nghiệp tốt, phù hợp với năng lực và nguyện vọng của bản thân và gia đình. Quá trình định hướng nghề nghiệp cũng được hình thành trong quá trình học tập tại nhà trường. Việc lựa chọn nghề nghiệp chịu tác động từ nhiều yếu tố khác nhau bao gồm chủ quan và khách quan, các yếu tố này giúp mỗi sinh viên định hướng và lựa chọn được một nghề nghiệp phù hợp. Bài viết này cung cấp cách nhìn khái quát về bối cảnh chung và các yếu tố ảnh hưởng đến việc định hướng nghề nghiệp của sinh viên Trường Du lịch – Đại học Huế, đồng thời phân tích sự ảnh hưởng của các yếu tố này và đề xuất những biện pháp phù hợp, giúp sinh viên có thêm cơ sở để định hướng nghề nghiệp thích hợp.

## 2. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CỦA SINH VIÊN

Schruder (2006) đã đề cập đến 3 lý thuyết về yếu tố ảnh hưởng đến nghề nghiệp của cá nhân. Thứ nhất, lý thuyết nhân tố mục tiêu chỉ ra rằng, mỗi người lựa chọn nghề nghiệp phụ thuộc nhiều vào mục tiêu cụ thể mà công việc mang lại, như: mức lương, các lợi ích, vị trí, cơ hội thăng tiến ... Thứ hai, lý thuyết nhân tố chủ quan cho thấy, nhu cầu của mỗi người và việc quyết định lựa chọn nghề nghiệp bị chi phối bởi các yếu tố xã hội và yếu tố tâm lý cá nhân. Chẳng hạn, vị trí xã hội mà công việc mang lại, sự nổi tiếng của tổ chức hay một vài yếu tố khác ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn nghề nghiệp. Thứ ba, lý thuyết tương tác cho rằng, khi một người không thể quyết định về nghề nghiệp dựa trên các yếu tố chủ quan hay yếu tố mục tiêu, người đó sẽ chọn nghề nghiệp dựa trên kết quả hoạt động quan sát. Nhóm yếu tố chủ quan của sinh viên bao gồm các yếu tố về tâm lý và thể chất của mỗi cá nhân sinh viên, bao gồm thiên hướng, tố chất, năng khiếu, tính cách, mong muốn của bản thân, tình trạng sức khỏe,... Yếu tố cá nhân về tâm lý, sinh học như: sức khỏe, tình trạng cơ thể, tâm lý, tính cách. Đây là yếu tố ảnh hưởng không nhỏ đến việc lựa chọn ngành nghề. Ngoài ra, năng lực, tố chất, thiên hướng, năng khiếu của mỗi sinh viên cho thấy khả năng thích ứng đối với nghề nghiệp. Nhóm yếu tố khách quan bao gồm sự tác động của gia đình, nhà trường, bạn bè, thầy cô, xã hội, nhu cầu của xã hội, đặc trưng của nghề nghiệp và

kể cả sự tác động của truyền thông xã hội. Một trong những ảnh hưởng quan trọng đối với việc ra quyết định liên quan đến chọn nghề là môi trường gia đình (James, 2000). Nhìn chung, tùy thuộc vào từng cá nhân sinh viên mà các yếu tố này có sự ảnh hưởng ở các mức độ khác nhau đối với định hướng nghề nghiệp của sinh viên. Nhiều nghiên cứu cho thấy nhiều yếu tố tâm lý ảnh hưởng đến định hướng nghề nghiệp, chẳng hạn như sự trưởng thành trong nghề nghiệp (Creed & Patton, 2003), định hướng công việc và mục tiêu (Heslin, 2005) và hiệu quả của bản thân (Chan và cộng sự, 2018). Hiểu biết rõ ràng về các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng nghề nghiệp là rất quan trọng đối với các cố vấn học tập và phụ huynh. Theo Suryadi (2020), cố vấn học tập đóng một vai trò quan trọng trong việc xác định các yếu tố tâm lý này và họ có nghĩa vụ cung cấp các dịch vụ định hướng nghề nghiệp cho học sinh để các em có thể đáp ứng các thách thức của môi trường làm việc. Một nghiên cứu của Young (1994) cho thấy rằng cha mẹ cũng có thể đóng một vai trò tích cực trong việc giúp con cái phát triển nghề nghiệp, tuy nhiên, cha mẹ và con cái cần nhận thức được quan điểm và ý định của nhau khi họ thương lượng các lựa chọn nghề nghiệp. Do nghiên cứu đề xuất khung nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên TDL – ĐHH bao gồm: Cha mẹ, Cố vấn học tập và Thái độ của bản thân đối với định hướng nghề nghiệp.



Hình 1. Khung nghiên cứu đề xuất

### *Cha mẹ*

Cha mẹ được là một trong những yếu tố ảnh hưởng lớn nhất đến nghiên cứu quyết định nghề nghiệp (Ferreira, Santos, Fonseca, & Haase, 2006). Thông tin và lời khuyên từ cha mẹ là yếu tố mạnh nhất trong quá trình ra quyết định nghề nghiệp (Chuang & DellmannJenkins, 2010; Counsell, 1996; Wong & Liu, 2010). Mặc dù nhiều bậc cha mẹ không ý thức được mức độ ảnh hưởng của họ đối với các quyết định nghề nghiệp của con cái, nhưng giá trị và kỳ vọng của cha mẹ, mối quan hệ cha mẹ - con cái và xã hội hóa giới trong gia đình có tác động mạnh mẽ đến... (Jungen, 2008; Kniveton, 2004; Simpson, 2003).

Trong khi đó, việc không có sự hỗ trợ của cha mẹ sẽ tạo ra những trở ngại cho việc lựa chọn nghề nghiệp. Ngoài việc cung cấp hỗ trợ và tác động đến nhận thức về những trở ngại, có những cách khác mà cha mẹ ảnh hưởng đến quyết định nghề nghiệp, chẳng hạn như thông qua sự tham gia của cha mẹ (Reynolds, 1992; Sorensen, 2007), sự khuyến khích của cha mẹ (Young, Friesen, & Dillabough, 1991), sự kỳ vọng của cha mẹ (Ferry, Fouad, & Smith, 2000), mô hình hóa vai trò của cha mẹ (Ferry và cộng sự, 2000) và thực hành của cha mẹ (Reynolds, 1992). Một nghiên cứu được thực hiện bởi Wong và Liu (2010) đã tiết lộ sáu yếu tố khác nhau của cha mẹ ảnh hưởng đến việc ra quyết định nghề nghiệp; sự hỗ trợ của cha mẹ, mối quan tâm nghề nghiệp của cha mẹ về phúc lợi và uy tín, và những trở ngại của cha mẹ liên quan đến sự lựa chọn nghề nghiệp là ba yếu tố dự báo hàng đầu cho sự lựa chọn nghề nghiệp.

### ***Cố vấn học tập***

Nhiều nghiên cứu đã xác định vai trò của cố vấn trong việc định hướng nghề nghiệp (Suryadi và cộng sự, 2020). Khi nhìn vào tài liệu từ Anh và từ Mỹ, rõ ràng là có những ý tưởng khác nhau về những gì cố vấn có thể và nên làm: Ở Mỹ, người cố vấn thường được định nghĩa là những cá nhân có kinh nghiệm và kiến thức tiên tiến, những người cam kết cung cấp khả năng di chuyển đi lên và hỗ trợ nghề nghiệp cho những người được họ cố vấn - thường được gọi là người bảo trợ (Kram, 1985). Ở Anh, người ta tập trung rõ ràng hơn vào vai trò của người cố vấn như một người hướng dẫn, cố vấn và huấn luyện viên. Klasen và Clutterbuck (2002) nói về việc cố vấn như một “liên minh học tập (tức là) khai thác tài năng”. Trong khi mô hình cố vấn của Mỹ giả định rằng người cố vấn có thâm niên và quyền lực hơn người được cố vấn, thì khía cạnh quan trọng nhất của mô hình ở Anh là người cố vấn có kinh nghiệm phù hợp có giá trị đối với người được cố vấn và người được cố vấn phải chịu trách nhiệm về việc học của cá nhân. Quan điểm của Clutterbuck (2014) là sự phát triển nghề nghiệp thường là ảnh hưởng gián tiếp của sự phát triển cá nhân và nghề nghiệp, do đó tạo ra nhiều cơ hội thăng tiến hơn trong sự nghiệp. Vấn đề là vai trò của người cố vấn là hỗ trợ trong quá trình chuyển đổi này - không phải làm thay công việc của người được cố vấn (học sinh). Ở đây, người cố vấn là ai không quá quan trọng, điều quan trọng là người cố vấn phải có kinh nghiệm và kỹ năng phù hợp với người được cố vấn, vì người cố vấn phải cung cấp kinh nghiệm và câu chuyện của mình như một nguồn cảm hứng cho người được cố vấn. Người cố vấn với những câu chuyện, những ý tưởng có thể được xây dựng và những câu hỏi sẽ dẫn đến sự suy ngẫm. Bằng cách này, người được cố vấn có thể xây dựng các giải pháp mới cho mình và sau khi thực hiện các giải pháp mới, người được cố vấn sẽ đánh giá và thảo luận kết quả với người cố vấn trong một vòng phản ánh mới.

### ***Thái độ nghề nghiệp của bản thân***

Thái độ nghề nghiệp là sở thích của một cá nhân để theo đuổi các mô hình cụ thể liên quan đến công việc (Briscoe và cộng sự, 2006). Những người có thái độ nghề nghiệp chuẩn mực được định hướng giá trị khi họ định hình sự nghiệp của mình theo các giá trị và niềm tin nội tại của riêng họ, ngược lại, ví dụ, các giá trị và niềm tin của tổ chức, và họ tự định hướng khi theo đuổi sự nghiệp của mình dựa trên những định nghĩa cá nhân mục tiêu nghề nghiệp. Những người có thái độ nghề nghiệp chuẩn mực sử dụng danh tính cá nhân của họ như một hướng dẫn cho các quyết định nghề nghiệp (Volmer và Spurk, 2011).

## **3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

### **3.1. Mẫu nghiên cứu**

Mẫu nghiên cứu gồm có 115 sinh viên viên trong đó nữ chiếm 67,8%, nam chiếm 32,2%, sinh viên năm 4 chiếm 36,5%, sinh viên năm 3 chiếm 45,2% và sinh viên năm 2 chiếm 18,3%. Độ tuổi của người tham gia khảo sát từ 18 đến 22 tuổi chiếm 93,9%, nhóm sinh viên trên 22 tuổi chiếm 6,1%. Sinh viên tham gia khảo sát thuộc các chuyên ngành đào tạo khác nhau bao gồm chuyên ngành Du lịch chiếm 21,7%; chuyên ngành Quản trị khách sạn chiếm 17,4%; chuyên ngành Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống chiếm 18,3%; chuyên ngành Quản trị DVDL&LH chiếm 26,1%; chuyên ngành Hướng dẫn viên chiếm 2,6%; chuyên ngành Quản trị kinh doanh Tổ chức và quản lý sự kiện chiếm 4,3%; chuyên ngành Truyền thông và marketing du lịch dịch vụ chiếm 7%.

### **3.2. Xử lý thống kê**

Số liệu sau khi thu thập được xử lý bằng phần mềm SPSS 22.0. Nghiên cứu định lượng với phương pháp phân tích hồi quy được sử dụng nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên Trường Du lịch – Đại học Huế (TDL – ĐHH).

### 3.3. Công cụ đo lường

Để đo lường các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên TDL - ĐHH, nghiên cứu sử dụng thang đo lường được điều chỉnh từ một số các nghiên cứu có liên quan đã được chứng minh có độ tin cậy và tính hiệu lực. Thang đo liên quan đến cha mẹ (8 biến quan sát) được điều chỉnh từ thang đo nghiên cứu của Suryadi và cộng sự (2020) và điều chỉnh từ nhóm tác giả, thang đo liên quan đến cố vấn học tập (8 biến quan sát) được điều chỉnh từ Suryadi và cộng sự (2020) và điều chỉnh từ nhóm tác giả, thang đo thái độ của bản thân (3 biến quan sát) được điều chỉnh từ nghiên cứu của Suryadi và cộng sự (2020) và điều chỉnh từ nhóm tác giả. Thang đo biến phụ thuộc định hướng nghề nghiệp của sinh viên (23 biến quan sát) được điều chỉnh từ thang đo nghiên cứu Bravo và cộng sự (2017) và điều chỉnh từ nhóm tác giả. Thang đo của nghiên cứu được thiết kế dựa vào các nghiên cứu có liên quan và được đề xuất ở bảng 1. Bảng hỏi có cấu trúc được thiết kế dựa vào thang đo nghiên cứu ở bảng 1 được chuyển sang định dạng trực tuyến Google Form và phân phối ngẫu nhiên đối với sinh viên TDL – ĐHH thông qua Email, Zalo, Facebook từ tháng 1 đến tháng 3 kết quả thu về 115 bảng trả lời hợp lệ, đảm bảo đủ số mẫu tối thiểu để thực hiện các phân tích tiếp theo.

Bảng 1. Thang đo nghiên cứu

Mã biến	Biến quan sát	Tham khảo từ
	<b>Cha mẹ</b>	Suryadi và cộng sự (2020) và điều chỉnh từ nhóm tác giả
E1	Gia đình khuyến khích bạn tham gia các lĩnh vực nghề nghiệp mà bạn thích.	
E2	Gia đình bạn ủng hộ bạn theo nghề nghiệp mà bạn thích	
E3	Gia đình bạn cung cấp cho bạn cách lấy thông tin bạn cần cho nghề nghiệp của bạn	
E4	Những tiến bộ mà bạn đạt được đối với mục tiêu nghề nghiệp của mình khiến bố mẹ bạn hài lòng	
E5	Gia đình bạn và bạn có cùng ý kiến về nghề nghiệp tương lai.	
E6	Những kế hoạch nghề nghiệp mà bạn muốn làm giống như những kế hoạch định hướng mà bố mẹ bạn đã dành cho bạn.	
E7	Bạn có quan tâm đến các lĩnh vực nghề nghiệp mà cha mẹ bạn mong muốn bạn bước vào	
E8	Bạn và gia đình bạn bất đồng quan điểm về vấn đề chọn nghề nghiệp tương lai.	
	<b>Cố vấn học tập</b>	Suryadi và cộng sự (2020) và điều chỉnh từ nhóm tác giả
F1	Cố vấn gặp gỡ để thảo luận về thông tin nghề nghiệp để giúp sinh viên lập kế hoạch nghề nghiệp.	
F2	Cố vấn tiến hành một lớp học hội thảo nhóm lớn cho sinh viên để giúp họ phát triển các kỹ năng viết sơ yếu lý lịch, phỏng vấn và tìm kiếm việc làm	
F3	Cố vấn hỗ trợ sinh viên tìm kiếm việc làm	
F4	Cố vấn quản lý cho một cá nhân hoặc một quy mô lớp học hoặc một nhóm lớn sinh viên một bản kiểm kê nghề nghiệp để đánh giá tiềm năng nghề nghiệp của sinh viên.	
F5	Cố vấn tham vấn với các cơ quan cộng đồng (bộ phận giáo dục, bộ phận dịch vụ xã hội) về các vị trí tuyển dụng.	
F6	Cố vấn lập kế hoạch cho các hoạt động (thảo luận, đi thực tế) để kích thích sự quan tâm đến thế giới công việc.	
F7	Cố vấn cung cấp thông tin hướng nghiệp cho sinh viên có nhu cầu tìm hiểu nghề nghiệp	
F8	Cố vấn giúp liên hệ khả năng của sinh viên với các lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai.	

	<b>Thái độ của bản thân</b>	Suryadi và cs. (2020) và điều chỉnh từ nhóm tác giả
D1	Sự trưởng thành trong nghề nghiệp đóng vai trò quan trọng tới định hướng nghề nghiệp của bạn	
D2	Định hướng được công việc và đặt ra mục tiêu rất quan trọng tới định hướng nghề nghiệp của bạn	
D3	Việc nắm bắt và nâng cao hiệu quả làm việc của bản thân giúp bạn định hướng được nghề nghiệp của mình	Bravo và cộng sự (2017) và điều chỉnh từ nhóm tác giả
	<b>Định hướng nghề nghiệp của sinh viên</b>	
	<b>An toàn</b>	
C1	An ninh và ổn định quan trọng đối với tôi hơn là tự do và tự chủ	
C2	Tôi tìm kiếm công việc trong những tổ chức, nơi mang lại cho tôi cảm giác an toàn và ổn định	
C3	Tôi hoàn thành xuất sắc công việc của mình nhất khi tôi cảm thấy rằng tôi hoàn toàn được đảm bảo về tài chính và việc làm	
C4	Tôi mơ ước có một sự nghiệp cho tôi cảm giác an toàn và ổn định	
C5	Tôi thà rời khỏi tổ chức của mình còn hơn là chấp nhận một nhiệm vụ có thể gây nguy hiểm cho sự an toàn của tôi trong tổ chức đó	
	<b>Khởi nghiệp</b>	
C6	Tôi luôn tìm kiếm những ý tưởng có thể cho phép tôi thành lập doanh nghiệp của riêng mình	
C7	Xây dựng doanh nghiệp kinh doanh của riêng mình quan trọng đối với tôi hơn là đạt được vị trí quản lý cấp cao trong tổ chức của người khác	
C8	Tôi sẽ cảm thấy thành công trong sự nghiệp khi tôi xây dựng thành công sản phẩm hoặc ý tưởng của riêng tôi	
C9	Tôi ước mơ khởi nghiệp và xây dựng công việc kinh doanh của riêng mình	
	<b>Phục vụ xã hội</b>	
C10	Tôi sẽ cảm thấy thành công trong sự nghiệp của mình nếu tôi đóng góp thực sự cho phúc lợi của xã hội	
C11	Tôi cảm thấy công việc của mình trọn vẹn nhất khi sử dụng tài năng của mình để phục vụ người khác	
C12	Tôi mơ ước có một nghề nghiệp đóng góp cho nhân loại và xã hội	
	<b>Lối sống</b>	
C13	Tôi thích một nghề nghiệp cho phép tôi hòa nhập các nhu cầu cá nhân, gia đình và công việc	
C14	Tôi cảm thấy thành công trong cuộc sống nếu cân bằng các yêu cầu cá nhân, gia đình và sự nghiệp của mình	
C15	Cân bằng giữa nhu cầu của cuộc sống cá nhân và nghề nghiệp đối với tôi quan trọng hơn việc đạt được vị trí quản lý cấp cao	
C16	Tôi luôn tìm kiếm những cơ hội làm việc để giảm thiểu sự can thiệp vào các mối quan tâm cá nhân hoặc gia đình	
	<b>Chức năng/Kỹ thuật</b>	
C17	Trở thành một giám đốc chức năng cấp cao trong lĩnh vực chuyên môn của tôi hấp dẫn hơn là trở thành một tổng giám đốc	
C18	Tôi thà rời khỏi tổ chức của mình hơn là chấp nhận một nhiệm vụ luân phiên không thuộc chuyên môn của mình	
C19	Tôi hoàn thành công việc tốt nhất khi tôi có thể sử dụng những kỹ năng và tài năng đặc biệt của mình	

C20	Tôi sẽ cảm thấy thành công trong sự nghiệp của mình khi tôi có thể phát triển các kỹ năng mức độ cao	
	<b>Quản lý</b>	
C21	Tôi mơ ước được phụ trách một tổ chức phức tạp và đưa ra những quyết định có ảnh hưởng đến nhiều người	
C22	Tôi sẽ cảm thấy thành công trong sự nghiệp của mình chỉ khi trở thành tổng giám đốc trong một tổ chức nào đó	
C23	Trở thành một tổng giám đốc hấp dẫn đối với tôi hơn là trở thành một giám đốc chức năng cấp cao trong lĩnh vực chuyên môn hiện tại của tôi	

#### 4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

##### 4.1. Độ tin cậy và hiệu lực của các thang đo

###### *Độ tin cậy của thang đo*

Kết quả phân tích Hệ số Cronbach's Alpha đối với các yếu tố ảnh hưởng định hướng nghề nghiệp có hệ số Cronbach's Alpha > 0,6 chứng tỏ thang đo lường tốt. Đối với thang đo định hướng nghề nghiệp với 23 biến quan sát có hệ số Cronbach's Alpha tổng bằng 0,886 chứng tỏ thang đo lường tốt. Tất các biến quan sát đều có hệ số tương quan biến tổng lớn hơn 0,3 và đều thỏa mãn điều kiện là bé hơn hệ số Cronbach's alpha của nhân tố chứa nó. Do đó, thang đo lường tin cậy và các biến quan sát được đưa vào thực hiện phân tích tiếp theo.

Bảng 2. Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha đối với các yếu tố ảnh hưởng định hướng nghề nghiệp

Yếu tố	Số biến quan sát	Cronbach's Alpha
Cha mẹ	8	0,817
Tư vấn của cố vấn học tập	9	0,872
Thái độ của bản thân	3	0,721
Định hướng nghề nghiệp	23	0,886

###### *Tính hiệu lực của thang đo*

Sau bước đánh giá độ tin cậy của thang đo Cronbach's Alpha là bước phân tích nhân tố khám phá EFA nhằm đánh giá tính hiệu lực của thang đo. Thang đo các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên TDL – ĐHH được đo lường bằng 20 biến quan sát. Sau khi kiểm tra độ tin cậy Cronbach's Alpha thì cả 20 biến đều đảm bảo điều kiện được đưa vào phân tích nhân tố khám phá EFA để đánh giá lại mức độ hội tụ của các biến quan sát theo các thành phần. Tiến hành phân tích nhân tố khám phá EFA (Exploratory Factor Analysis) bằng phương pháp rút trích Principal Component và phép xoay Varimax ở phần này. Kết quả phân tích cho thấy, có 18 biến quan sát thuộc 5 nhân tố độc lập. Ta có thể khẳng định rằng các 18 biến quan sát thuộc 5 nhân tố độc lập đảm bảo được giá trị hội tụ và phân biệt khi phân tích nhân tố khám phá EFA và 5 nhân tố này đã hoàn chỉnh và phù hợp với mô hình đề xuất của đề tài nghiên cứu. Phương sai rút trích là 61,743%, tỷ lệ này đạt yêu cầu do đó các yếu tố mới được sử dụng trong các phân tích sau này được gán nhãn bao gồm (1) Tư vấn của cố vấn học tập, (2) Ủng hộ của gia đình, (3) Hỗ trợ của cố vấn học tập, (4) Thái độ của bản thân và (5) Định hướng của cha mẹ.

##### 4.2. Định hướng nghề nghiệp của sinh viên TDL – ĐHH

Để xác định các định hướng nghề nghiệp của sinh viên TDL – ĐHH, nghiên cứu sử dụng thang đo của Bravo và cộng sự (2017) được điều chỉnh trong bối cảnh sinh viên du lịch. Phân tích nhân tố EFA được sử dụng để nhận diện các định hướng nghề nghiệp của sinh viên du lịch. Thang đo

định hướng nghề nghiệp của sinh viên TDL – ĐHH được đo lường bằng 23 biến quan sát. Sau khi kiểm tra độ tin cậy Cronbach's Alpha thì cả 23 biến đều đảm bảo điều kiện được đưa vào phân tích nhân tố khám phá EFA để đánh giá lại mức độ hội tụ của các biến quan sát theo các thành phần. Tác giả tiến hành phân tích nhân tố khám phá EFA (Exploratory Factor Analysis) bằng phương pháp rút trích Principle Component và phép xoay Varimax ở phần này. Kết quả phân tích ma trận xoay lần thứ 4 cho thấy, 13 biến quan sát thuộc 4 nhân tố độc lập đều có hệ số tải nhân tố Factor Loading lớn hơn 0,5 nghĩa là các biến đều phù hợp sau bước kiểm định này. Ta có thể khẳng định rằng các 13 biến quan sát thuộc 4 nhân tố độc lập đảm bảo được giá trị hội tụ và phân biệt khi phân tích nhân tố khám phá EFA và 4 nhân tố này đã hoàn chỉnh và phù hợp với mô hình đề xuất của đề tài nghiên cứu.

Nhóm nhân tố 1: Đặt tên là “Quản lý”

Nhóm nhân tố 2: Đặt tên là “Lối sống”

Nhóm nhân tố 3: Đặt tên là “Khởi nghiệp”

Nhóm nhân tố 4: Đặt tên là “An toàn”

Vậy các định hướng nghề nghiệp của sinh viên TDL – ĐHH bao gồm (1) Quản lý, (2) Lối sống, (3) Khởi nghiệp và (4) An toàn.

#### 4.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên TDL – ĐHH

Bảng 3. Kết quả phân tích hồi quy

<b>Biến phụ thuộc: Định hướng nghề nghiệp của sinh viên</b>								
<b>Số quan sát: 115</b>								
Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hoá		Hệ số đã chuẩn hoá	t	Sig.	Tham số đa cộng tuyến		
	B	Sai số chuẩn	Beta			Tolerance	VIF	
1	(Constant)	3.787	.037		101.647	.000	1.000	1.000
	Tư vấn của cố vấn học tập	.104	.037	.230	2.787	.006	1.000	1.000
	Ứng hộ của gia đình/cha mẹ	.126	.037	.277	3.354	.001	1.000	1.000
	Hỗ trợ của cố vấn học tập	.099	.037	.218	2.645	.009	1.000	1.000
	Thái độ bản thân	.110	.037	.243	2.949	.004	1.000	1.000
	Định hướng của cha mẹ	.068	.037	.149	1.807	.074	1.000	1.000
<b>R<sup>2</sup></b>	0,258							
<b>R<sup>2</sup> hiệu chỉnh</b>	0,224							
<b>Giá trị F</b>	0,39949							
<b>Durbin-Watson</b>	2,253							

Mặc dù khung nghiên cứu lý thuyết đề xuất 3 yếu tố ảnh hưởng đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên TDL – ĐHH, tuy nhiên dựa vào dữ liệu nghiên cứu thang đo các yếu tố ảnh hưởng đến



định hướng nghề nghiệp của sinh viên TDL – ĐHH phân lập thành 5 yếu tố bao gồm (1) Tư vấn của cố vấn học tập, (2) Ủng hộ của gia đình, (3) Hỗ trợ của cố vấn học tập, (4) Thái độ của bản thân và (5) Định hướng của cha mẹ. Do đó, 5 yếu tố này được đưa vào đánh giá mức độ ảnh hưởng đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên TDL – ĐHH. Để xác định mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố đối với định hướng nghề nghiệp của sinh viên, chúng tôi đã tiến hành phân tích hồi quy đa biến. Kết quả phân tích hồi quy thể hiện ở bảng 3.

Kết quả kiểm định hệ số hồi quy cho thấy, các biến độc lập Tư vấn của cố vấn học tập, Ủng hộ của gia đình, Hỗ trợ của cố vấn học tập, Thái độ bản thân có mức ý nghĩa (Sig.) bé hơn 0,05 chứng tỏ các yếu tố này có sự tương quan với biến phụ thuộc với độ tin cậy 95%. Biến độc lập Định hướng của cha mẹ có mức ý nghĩa (Sig.) bé hơn 0,1 chứng tỏ các yếu tố này có sự tương quan với biến phụ thuộc với độ tin cậy 90%. Trong đó, dựa vào hệ số hồi quy chuẩn hóa cho thấy thứ tự tác động của các yếu tố bao gồm: Ủng hộ của gia đình ( $\beta = 0,277$ ), Thái độ của bản thân ( $\beta = 0,243$ ), Tư vấn của cố vấn học tập ( $\beta = 0,230$ ), Hỗ trợ của cố vấn học tập ( $\beta = 0,218$ ) và Định hướng của cha mẹ ( $\beta = 0,149$ ).

## 5. BÀN LUẬN VỀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 5.1. Bàn luận về định hướng nghề nghiệp

Thang đo định hướng nghề nghiệp hiệu chỉnh của Bravo và cộng sự (2017) đã phát triển và xác thực một thước đo đa chiều về định hướng nghề nghiệp bằng cách sử dụng khung neo nghề nghiệp của Schein làm nền tảng lý thuyết. Thang đo hiệu chỉnh của Bravo và cộng sự (2017) xác định 6 neo nghề nghiệp đối với định hướng nghề nghiệp không giới hạn bao gồm: định hướng nghề nghiệp quản lý, định hướng nghề nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, định hướng nghề nghiệp an toàn, định hướng nghề nghiệp lối sống, định hướng nghề nghiệp chức năng/kỹ thuật, định hướng nghề nghiệp dịch vụ/tận tâm vì xã hội. Nghiên cứu tiếp cận từ lý thuyết neo nghề nghiệp của Schein (1978, 1990) và sử dụng thang đo của Bravo và cộng sự (2017) để xác định các định hướng nghề nghiệp của sinh viên TDL trong bối cảnh du lịch cần định hướng nghề nghiệp không giới hạn. Kết quả phân tích cho thấy đối với sinh viên du lịch chỉ có 4 neo nghề nghiệp chính bao gồm (1) Quản lý, (2) Lối sống, (3) Khởi nghiệp và (4) An toàn. Trong đó:

*Quản lý.* Những cá nhân đạt có định hướng nghề nghiệp quản lý cao có động lực để chịu trách nhiệm chính về lỗi và lỗ và ở các cấp quản lý cao hơn. Những cá nhân này mong muốn sức mạnh và tiềm năng thành tựu mà các vị trí hàng đầu có thể mang lại (Tan & Quek, 2001). Do đó, họ sẽ mong muốn về khả năng thăng tiến và sẵn sàng chuyển vị trí để đạt được các vị trí cấp cao hơn. Các cá nhân có định hướng quản lý cũng được tiếp thêm năng lượng bởi cơ hội phân tích và giải quyết vấn đề trong điều kiện thông tin không đầy đủ và mơ hồ và mong muốn chịu trách nhiệm về năng suất của tổ chức (Feldman & Bolino, 1996; Schein, 1978, 1990). Đối với sinh viên TDL thuộc nhóm ngành liên quan đến quản trị được rèn luyện với nhiều kỹ năng liên quan đến quản trị và quản lý nên có nhiều định hướng nghề nghiệp liên quan đến quản lý.

*Lối sống.* Các cá nhân có định hướng nghề nghiệp lối sống cao cố gắng đạt được các tình huống cho phép hòa nhập các mối quan tâm của gia đình, cá nhân và nghề nghiệp và các cơ hội để phát triển bản thân (Petroni, 2000). Thông thường, điều này có nghĩa là cá nhân sẽ không dễ dàng di dời gia đình của mình vì mục đích thăng tiến trong sự nghiệp. Thông thường đây là nhóm sinh viên sinh sống tại thành phố Huế, ngại thay đổi môi trường sống và rời xa gia đình.

*Khởi nghiệp* là những cá nhân có định hướng kinh doanh cao chủ yếu được thúc đẩy bởi nhu cầu tạo ra thứ gì đó hoàn toàn là dự án của riêng họ và thích chuyển từ dự án này sang dự án khác để thoát khỏi sự nhàm chán (Feldman & Bolino, 1996; Schein, 1978, 1990).

*An toàn.* Các cá nhân có định hướng cao về an toàn coi trọng việc làm và đảm bảo tài chính từ một tổ chức. Các vấn đề an toàn có liên quan đến việc không muốn rời bỏ tổ chức. Những cá nhân coi trọng an toàn có thể không muốn mạo hiểm những lợi ích có sẵn của vị trí hiện tại của họ cho một vị trí chưa biết khác, ngay cả một vị trí có thể mang lại cơ hội cấp cao hơn hoặc kinh nghiệm phát triển hơn (Feldman & Bolino, 1996; Schein, 1978, 1990).

## **5.2. Bàn luận về các yếu tố yếu tố ảnh hưởng đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên TDL – ĐHH**

Kết quả phân tích cho thấy, 5 yếu tố đưa vào mô hình đều có ảnh hưởng đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên TDL - ĐHH, đây là những yếu tố quan trọng cần nghiên cứu để nâng cao định hướng nghề nghiệp của sinh viên TDL – ĐHH trong thời gian tới. Trong đó, yếu tố dự đoán ảnh hưởng mạnh nhất định hướng nghề nghiệp là ủng hộ của cha mẹ (với hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa là  $\beta = 0,126$ ), yếu tố ít ảnh hưởng nhất là Định hướng của cha mẹ (với hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa là  $\beta = 0,068$ ).

Nghiên cứu của Suryadi và cộng sự (2020) đã xác định yếu tố cha mẹ ảnh hưởng đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên. Tuy nhiên trong nghiên cứu thực nghiệm tại TDL – ĐHH, thành phần cha mẹ được phân tách thành 2 yếu tố là sự ủng hộ của cha mẹ và định hướng của cha mẹ, kết quả hồi quy cho thấy cả 2 yếu tố này đều có ảnh hưởng đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên, tuy nhiên trong khi sự ủng hộ của cha mẹ có ảnh hưởng lớn nhất thì định hướng của cha mẹ lại có ảnh hưởng ít nhất đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên du lịch.

*Sự ủng hộ của cha mẹ.* So sánh hệ số hồi quy chuẩn hóa cho thấy đây là đầu tiên các tác động đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên và so sánh hệ số hồi quy chuẩn hóa cho thấy đây là yếu tố có mức độ ảnh hưởng lớn nhất ( $\beta = 0,126$ ). Một nghiên cứu của Taylor, Harris và Taylor (2004) cho thấy rằng ngay cả khi các bậc cha mẹ nhận ra mức độ ảnh hưởng của họ đối với việc ra quyết định nghề nghiệp của con cái, thì một nửa số cha mẹ vẫn thích giữ thái độ trung lập về sự phát triển nghề nghiệp của con cái họ. Điều này cho thấy rằng ít nhất về lý thuyết, cha mẹ cho phép con cái của họ ở một mức độ tự do và độc lập để khám phá bản sắc nghề nghiệp của chúng, con đường nghề nghiệp ưa thích và lựa chọn con đường nghề nghiệp (Ali, McWhirter, & Chronister, 2005).

*Định hướng của cha mẹ.* So sánh hệ số hồi quy chuẩn hóa cho thấy đây là yếu tố có mức độ ảnh hưởng ít nhất đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên ( $\beta = 0,068$ ). Lent và Brown (1996) đã củng cố tầm quan trọng của ảnh hưởng của cha mẹ bằng cách nói rằng ảnh hưởng đó là một yếu tố quyết định ngữ cảnh mạnh mẽ làm trung gian cho các mối quan hệ giữa mục tiêu và lợi ích, giữa mục tiêu và hành động cũng như giữa hành động và thành tích.

*Tư vấn của cố vấn học tập.* Ngoài cha mẹ và bản thân sinh viên, kết quả phân tích cho thấy cố vấn học tập có ảnh hưởng đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên du lịch. Kết quả nghiên cứu cho thấy yếu tố “sự tư vấn của cố vấn học tập” có ảnh hưởng tích cực đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên du lịch. Lắng nghe những thách thức và mối quan tâm của người cố vấn, nghe câu chuyện từ các bộ phận khác trong hệ thống phân cấp tổ chức, quan sát những người khác qua con mắt của người cố vấn và đạt được kiến thức mới về các ngành nghề khác, giúp người cố vấn có cơ hội phản ánh về hành vi của chính họ tại làm việc, để tư vấn về các quyết định của anh / cô ấy về cách xử lý các tình huống khó khăn, và có được kiến thức mới về con người, về tổ chức và về các ngành nghề khác. Kiểu cố vấn này rất phù hợp với cách hiểu mới về nghề nghiệp. Cả hai bên trong mối quan hệ cố vấn đều chịu trách nhiệm về nhiệm vụ của chính họ, thực hiện hành động trong việc học tập này và cả hai bên có trách nhiệm hoàn thành vai trò của mình với tư cách là

người cố vấn và người cố vấn mang tất cả kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm của họ đến bàn một cách trung thực và cởi mở điều này sẽ tạo ra một môi trường học tập tốt nhất có thể cho cả hai.

*Hỗ trợ của cố vấn học tập.* Giúp sinh viên xác định được hướng đi trong tương lai, việc được sự hỗ trợ kịp thời từ cố vấn sẽ giúp các sinh viên có được định hướng chính xác. Cố vấn sẽ giúp các sinh viên có cái nhìn khách quan về ngành nghề tương lai và có sự lựa chọn đúng đắn cho riêng mình.

*Thái độ nghề nghiệp của bản thân* được xác định là yếu tố bên trong ảnh hưởng đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên. Điều này tương tự với kết quả nghiên cứu của Volmer và Spurk (2011) cho rằng thái độ nghề nghiệp rõ ràng và không ranh giới có thể được coi là những động lực chính có thể ảnh hưởng gián tiếp đến định hướng nghề nghiệp. Ví dụ, đặt giá trị cao vào thái độ nghề nghiệp có thể dẫn đến việc thiết lập mục tiêu cao hơn và đầu tư nhiều hơn vào nỗ lực vì một người cảm thấy có trách nhiệm với nghề nghiệp của mình và muốn hành động theo giá trị và nguyện vọng của bản thân.

## 6. KẾT LUẬN

Định hướng nghề nghiệp là quá trình cá nhân, gia đình và nhà trường hướng cho sinh viên có một lựa chọn đúng đắn xác định rõ mục tiêu việc làm sau khi ra trường một cách phù hợp. Định hướng nghề nghiệp tác động bởi nhiều yếu tố khác nhau: yếu tố chủ quan đến từ cá nhân sinh viên, yếu tố khách quan là những yếu tố tác động từ gia đình bạn bè và nhà trường ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến việc lựa chọn ngành nghề cho tương lai. Các nhóm yếu tố này có sự kết hợp đan xen tác động qua lại lẫn nhau. Kết quả nghiên cứu xác định 5 yếu tố ảnh hưởng đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên TDL – ĐHH bao gồm (1) Tư vấn của cố vấn học tập, (2) Ứng hộ của gia đình, (3) Hỗ trợ của cố vấn học tập, (4) Thái độ của bản thân và (5) Định hướng của cha mẹ, đây là những yếu tố quan trọng cần nghiên cứu để nâng cao định hướng nghề nghiệp của sinh viên TDL – ĐHH trong thời gian tới. Một số hàm ý đề xuất nâng cao định hướng nghề nghiệp cho sinh viên bao gồm nhà trường và gia đình cùng phối hợp để có các định hướng phù hợp; Các cố vấn cần có một nền tảng kiến thức vững chắc và không ngừng nâng cao.

Trong phạm vi nghiên cứu và giới hạn của bài viết, tác giả chưa khai thác được một cách toàn diện và đa dạng hơn các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên TDL - ĐHH. Ngoài ra, nghiên cứu cũng còn hạn chế khi chưa nghiên cứu so sánh để nhận diện được sự khác biệt trong định hướng nghề nghiệp của các đối tượng sinh viên khác nhau về chuyên ngành và năm học. Chính vì vậy, đây là những định hướng cho nghiên cứu kế tiếp để có cách nhìn bao quát hơn về định hướng nghề nghiệp của sinh viên TDL – ĐHH nói riêng và sinh viên du lịch nói riêng trong tương lai.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Do Quang Thien, Trinh Thi Giao Chau, Nguyen Thanh, Hoang Ngo Tu Do (2012). *Effects of torrential rainfall on the Gianh river bank erosion in the context of climate change*, Proceedings of the international workshop on geo-engineering for responding to climate change and sustainable development of infrastructure, p.54-60.
- [2] Đặng Vũ Bình, Vũ Đình Tôn, Nguyễn Đình Linh (2008). Đánh giá khả năng sinh trưởng của giun quế (*Perionyx excavatus*) trên các nguồn thức ăn khác nhau. *Tạp chí Khoa học và Phát triển*, Đại học Nông nghiệp Hà Nội. 4 (4): 321-325.
- [3] Ngô Mã Thiên (2015). Đề dạy tốt lịch sử địa phương, <http://giaoducthoidai.vn/trao-doi/de-day-tot-lich-su-dia-phuong-1240638-b.html>, truy cập ngày 7/9/2015.

- [4] Trần Thị Thu Hiền, 2009. Định hướng nghề nghiệp của SV sau khi ra trường hiện nay (Nghiên cứu trường hợp Trường Đại học KHXH & NV). Luận văn cao học. Trường Đại học KHXH & NV, ĐHQG Hà Nội.
- [5] Đào Vũ Hương Giang, Đào Ngọc Cảnh và Huỳnh Văn Đà (2019). Nhận thức nghề nghiệp đối với ngành du lịch của sinh viên ngôn ngữ pháp, Trường Đại học Cần Thơ. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 55(5C): 98-106.
- [6] Trần Thị Phụng Hà (2014). Định hướng giá trị nghề nghiệp của sinh viên đại học Cần Thơ, Khoa học Xã hội & Nhân văn, Trường Đại học Cần Thơ.
- [7] Iorgulescu, M.C. và cộng sự (2020). *Khái niệm về nghề nghiệp trong Du Lịch: trường hợp kinh doanh và sinh viên Du lịch*”.
- [8] Nguyễn Thị Kim Nhung (2018). *Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông tại Nghệ An*. Nghệ An.
- [9] Nguyễn Thị Như Quỳnh (2019). *Khảo sát định hướng nghề nghiệp của sinh viên Khoa Dược - Đại học Nguyễn Tất Thành*. TP Hồ Chí Minh.
- [10] Đào Vũ Hương Giang (2019). *Nhận thức nghề nghiệp đối với ngành Du Lịch của sinh viên ngôn ngữ Pháp, trường Đại Học Cần Thơ*. Cần Thơ.
- [11] Huỳnh Trường Huy (2019). *Nhận thức nghề nghiệp của sinh viên ngành du lịch tại các trường Cao Đẳng, Đại Học trên địa bàn thành phố Cần Thơ*. Cần Thơ.
- [12] Mai Thị Bích Ngọc (2019). *Giải pháp nâng cao hiệu quả định hướng nghề nghiệp cho sinh viên Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh, Bắc Ninh*.
- [13] Manna, M. T., & Abou-Shouk, M. (2020). Students' Perceptions towards Working in the Tourism and Hospitality Industry in United Arab Emirates. *Al-Adab Journal*, 1(135), 33-52.
- [14] Theo Arthur và Rousseau (1996). *Vocational Psychology: An Analysis and Directions for the Future*. Volume 59, Issue 2, October 2001, Pages 226-234
- [15] Suryadi, B., Sawitri, D. R., Hayat, B., & Putra, M. (2020). The Influence of Adolescent-Parent Career Congruence and Counselor Roles in Vocational Guidance on the Career Orientation of Students. *International Journal of Instruction*, 13(2), 45-60.
- [16] Theo Rachman (2017). Contribution of self-efficacy towards career orientation on final-year students”, Hội nghị Quốc Tế lần thứ 8 ủa Hiệp hội Tâm lý Bản Địa và Văn hóa Châu Á (ICAAIP 2017), 126 -130.
- [17] Dries, Pepermans và Carlier (2008). *Career success: Constructing a multidimensional model*.
- [18] Huffcutt, A. I., & Arthur, W. (1994). Hunter and Hunter revisited: Interview validity for entry-level jobs. *Journal of Applied Psychology*, 79(2), 184–190.
- [19] Predicting Two Components of Career Maturity in School Based Adolescents, *Journal of Career Development* volume 29, pages277–290 (2003).
- [20] Iorgulescu, M.C. và cộng sự (2020). *Nhận thức về nghề nghiệp trong ngành du lịch: Trường hợp của Sinh viên Kinh doanh và Du lịch*. Trong: R. Pamfilie, V. Dinu, L. Tăchiciu, Đ. Pleșea, C. Vasiliu chủ biên. Hội nghị quốc tế BASIQ lần thứ 6 về các xu hướng mới trong bền vững Kinh doanh và Tiêu dùng. Messina, Ý, ngày 4/6/2020. Bucharest: ASE, trang 1172-1179.
- [21] Saba Rasheed Ali, Ellen Hawley McWhirter, Krista M. Chronister Krista M. Chronister (2005). *Self-Efficacy and Vocational Outcome Expectations for Adolescents of Lower Socioeconomic Status: A Pilot Study*.

- [22] Tổng cục Du lịch Việt Nam (2020), <http://vietnamtourism.gov.vn/>. Trung tâm Thông tin Du Lịch, giấy phép số: 44/GP-TTĐT cấp ngày 6/5/2015, truy cập ngày 8/1/2020.
- [23] Tổng Cục thống kê (2016), <http://www.gso.gov.vn>, Trang Thông tin điện tử Tổng cục Thống kê, luật thống kê số 89/2015/QH13, ban hành ngày 23/11/2015, có hiệu lực ngày 1/7/2016.
- [24] Trần Thị Dương Liễu (2014). *Định hướng nghề nghiệp của sinh viên chuyên ngành Tâm lý học ở một số trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh* (luận văn thạc sĩ). TP. Hồ Chí Minh: Đại học Sư phạm.
- [25] Volmer, J., & Spurk, D. (2011). Protean and boundaryless career attitudes: Relationships with subjective and objective career success. *Zeitschrift für ArbeitsmarktForschung*, 43(3), 207-218.

**Title:** FACTORS AFFECTING THE CAREER ORIENTATION OF STUDENTS AT SCHOOL OF HOSPITALITY AND TOURISM - HUE UNIVERSITY

**Abstract:** Career orientation is the job characteristics that define a person's career goals that reflect an individual's self-concept about his or her values, interests, experiences, skills, and values. their self-perception. Career orientation reflects the view that intrinsic values and self-direction are the driving force behind career decisions in an age of stable and borderless careers. This study conducted a survey of 115 students at the School of Tourism - Hue University to assess the influencing factors on students' career orientation. The results of the regression analysis show that the influencing factors affecting the career orientation of students at the School of Tourism - Hue University include Counseling of academic advisors, Support of family, Support of academic advisors, Self-attitudes and Parental orientation; 5 factors related to academic advisors and parents have 22.4% influence on students' career orientation, the rest are other factors, which shows the role of academic advisors and parents in shaping the career orientation of tourism students, thus some implications related to the career orientation of tourism students from the perspective of academic advisors and parents are proposed.

**Keywords:** Career orientation, Tourism student, academic advisor, parents, regression analysis.